

CÔNG TY TNHH T-VNM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH T-VNM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: T-VMN CO.,LTD

Tên công ty viết tắt: T-VMN COMPANY LIMITED

2. Mã số doanh nghiệp: 0108905195

3. Ngày thành lập: 17/09/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 14 ngõ 59 đường Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2511
2.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn (không hoạt động tại trụ sở); - Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu (không hoạt động tại trụ sở)	2599
3.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2592(Chính)
4.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); - Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác; - Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ; - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác.	4933
5.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan) - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác	5210

6.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải hàng không	5223
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: -Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển -Logistics -Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu	5229
8.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Tổ chức sự kiện, dàn dựng sân khấu biểu diễn văn hóa, văn nghệ, lễ hội, xúc tiến thương mại và quản lý các sự kiện)	8230
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng kinh doanh của công ty (Điều 28 Luật Thương mại)	8299
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa; (không bao gồm: đại lý chứng khoán, bảo hiểm, môi giới tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, hoạt động bán đấu giá tài sản)	4610
11.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
12.	Lập trình máy vi tính	6201
13.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
14.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
15.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
16.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn, thiết kế phòng cháy chữa cháy (theo nghị định số 79/2014/NĐ-CP); - Tư vấn thiết kế nhà và công trình. - Hoạt động kiến trúc; - Hoạt động đo đạc và bản đồ; - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; - Thiết kế trang trí nội thất công trình; - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	7110
17.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu, ví như độ chịu lực, độ bền, độ dày, năng lực phóng xạ...	7120
18.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
19.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212

20.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
21.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
22.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
23.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
24.	In ấn	1811
25.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
26.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu Chi tiết: - Sản xuất kim loại quý; - Sản xuất kim loại màu	2420
27.	Đúc sắt, thép	2431
28.	Đúc kim loại màu	2432
29.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
30.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
31.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
32.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
33.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
34.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
35.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
36.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
37.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
38.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
39.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
40.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
41.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
42.	Đại lý du lịch	7911
43.	Điều hành tua du lịch	7912
44.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
45.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: - Photo, chuẩn bị tài liệu; - Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
46.	Đào tạo sơ cấp Loại trừ Đào tạo cao đẳng; loại trừ Giáo dục đại học	8531

47.	Đào tạo trung cấp Loại trừ Đào tạo cao đẳng; loại trừ Giáo dục đại học	8532
48.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
49.	Hoạt động của các hiệp hội kinh doanh và nghiệp chủ	9411
50.	Hoạt động của các hội nghề nghiệp	9412
51.	Xây dựng nhà để ở Loại trừ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	4101
52.	Xây dựng nhà không để ở	4102
53.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
54.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
55.	Xây dựng công trình điện	4221
56.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
57.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
58.	Xây dựng công trình công ích khác Loại trừ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	4229
59.	Xây dựng công trình thủy	4291
60.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
61.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Loại trừ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	4299
62.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
63.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Loại trừ Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4652
64.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
65.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng -Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); -Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.	4661

66.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: -Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; -Bán buôn dầu thô; -Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; -Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan.	4659
67.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Loại trừ Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4662
68.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: -Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; -Bán buôn xi măng; -Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; -Bán buôn kính xây dựng; -Bán buôn sơn, vécni; -Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; -Bán buôn đồ ngũ kim; -Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
69.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; -Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); -Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; -Bán buôn cao su; -Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; -Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; -Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; -Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
70.	Bán buôn tổng hợp	4690
71.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Loại trừ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	5510
72.	Quảng cáo (Trừ các hoạt động liên quan đến báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình)	7310
73.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
74.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Loại trừ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7410
75.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
76.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch	7490

6. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN KHẮC NHÂN	P.1803-tòa 18T1, chung cư Golden An Khánh, KĐT Nam An Khánh, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	765.000.000	51,000	C6118390	
2	HOÀNG THỊ LAN HƯƠNG	Thôn Khuổi Sa, Xã Tú Trĩ, Huyện Bạch Thông, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam	735.000.000	49,000	B8968750	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN KHẮC NHÂN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 25/03/1989

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: C6118390

Ngày cấp: 17/09/2018 Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P.1803-tòa 18T1, chung cư Golden An Khánh, KĐT Nam An Khánh, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P.1803-tòa 18T1, chung cư Golden An Khánh, KĐT Nam An Khánh, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội